

Bản án số: 02/2021/HS-PT
Ngày 20/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn

Bà Vũ Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Tạ Văn Đ và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Tạ Văn Đ, sinh năm 1974 tại thôn V, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn T và bà Nguyễn Thị X; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Đỗ Văn H, sinh năm 1962, tại thôn V, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T và bà Ngô Thị X; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

3. Phạm Văn B, sinh năm 1985, tại thôn T, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ và bà Vũ Thị B; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Tạ Văn Đ:

1. Bà Lê Thị Thu H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm TGPL Nhà nước

tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Ông Phạm Khắc D – Luật sư Văn phòng luật sư A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Bị hại không có kháng cáo:

1. Anh Dương Văn K, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu 12 phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/5/2020 Tạ Văn Đ đến gặp Phạm Văn B hỏi có mua các cây thép hình V loại V4, V5 không, nếu B đồng ý thì sẽ lấy trộm ở trang trại nuôi lợn đang xây dựng ở thôn V, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương nơi Đ đang làm mang đến bán cho B (Trang trại đang xây dựng là của anh Lê Văn T, sinh năm 1978 địa chỉ tại thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương và anh Dương Văn K địa chỉ tại Khu 12, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương). B đồng ý và bảo Đ khi nào lấy được thì cứ mang đến bán cho B. Hai bên thỏa thuận giá mỗi cây thép từ 130.000 đồng đến 140.000 đồng.

Khoảng 22 giờ ngày 13/5/2020 Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 34M-0698 buộc phía sau xe bò kéo (xe mô tô và xe bò là tài sản chung của vợ chồng Tạ Văn Đ và chị Đặng Thị Thoa) đi đến trang trại nuôi lợn đang làm của anh Lê Văn T và anh Dương Văn K. Tại đây Đ đã gặp Đỗ Văn H là người đang làm thuê tại trang trại, Đ đã rủ H trộm cắp các cây thép đem bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Sau đó Đ cùng H khiêng 10 cây thép hình V dài 6m gồm cả V4, V5 ở trong chuồng lợn thứ nhất đặt lên xe bò kéo rồi Đ chở đi. Trên đường đi Đ sử dụng điện thoại Iphone 5 màu trắng lắp sim thuê bao số 0386.331.055 của Đ gọi đến số điện thoại 0976.798.712 của B. Đ nói “Có sắt đấy có mang đến xưởng không?”, B nói “Em không có nhà cứ vắt ở xưởng cơ khi”. Gọi điện xong Đ chở 10 cây thép đến xưởng nhà B ở thôn T, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương rồi bê xuống để trong xưởng sau đó đi về.

Cùng với cách thức tương tự, khoảng 22 giờ ngày 16/5/2020 Tạ Văn Đ cùng Đỗ Văn H lấy tiếp 10 cây thép hình V dài 6m gồm cả loại V4, V5 tại gian chuồng lợn thứ nhất ở trang trại nuôi lợn mang ra xe bò kéo buộc vào xe rồi Đ điều khiển xe đi. Trên đường đi Đ cũng liên lạc với B, B bảo không có nhà cứ mang về xưởng của B. Đ chở số thép lấy được đến xưởng của B rồi bê xuống đi về nhà.

Khoảng 22 giờ ngày 18/5/2020 với cách thức tương tự như trên, Tạ Văn Đ cùng Đỗ Văn H lấy tiếp 10 cây thép hình V dài 6m gồm cả loại V4, V5 tại gian chuồng lợn thứ 3 mang ra xe bò kéo. Đ chở số thép trộm cắp được đến xưởng của B thì gặp B. Đ bê thép xuống cho B rồi đi về.

Đến khoảng 21 giờ ngày 20/5/2020 Đ đến xưởng gặp B để lấy tiền thép. B đã tạm ứng cho Đ số tiền là 3.000.000 đồng. Đ nhận tiền rồi về trang trại lợn chia cho H 1.500.000 đồng. H và Đ đã chi tiêu hết số tiền.

Tiếp đến ngày 28/5/2020 Đ lại điều khiển xe mô tô nêu trên đến công trường đang thi công trang trại lợn. Đ và Huấn lại lấy trộm 16 cây thép hình V dài 6m gồm cả loại V4, V5 tại gian chuồng lợn thứ 3 mang ra xe bò kéo. Đ điều khiển xe đến xưởng cơ khí của B và gặp B ở xưởng. Đ đã cùng B mang số thép vào xưởng rồi đi về.

Ngày 06/6/2020 anh Dương Văn K phát hiện ra bị mất tài sản nên đã trình báo với cơ quan Công an thị xã K.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 09/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã K kết luận: 20 cây thép hình chữ V dài 6m loại V4 dày trị giá 3.400.000 đồng; 26 cây thép V dài 6m loại V5 trung (loại 16kg) trị giá 5.200.000 đồng. Tổng giá trị là 8.600.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã K tuyên bố các bị cáo Tạ Văn Đ, Đỗ Văn H, Phạm Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản; căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Tạ Văn Đ 13 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Văn H 11 tháng tù và Phạm Văn B 10 tháng tù. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 09, 11, 17 tháng 11 năm 2020, bị cáo Đỗ Văn H, Phạm Văn B, Tạ Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Tạ Văn Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và miễn án phí phúc thẩm. Các bị cáo Đỗ Văn H, Phạm Văn B có mặt, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ là bà Lê Thị Thu H và ông Phạm Khắc D có mặt, đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp trước số tiền bị truy thu theo bản án sơ thẩm. Bị cáo có nhân thân tốt, trước đó chưa từng vi phạm phạm luật, phạm tội mang tính chất cơ hội, vụ án đồng phạm giản đơn, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được trả lại cho bị hại, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bằng mức hình phạt của bị cáo H và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tạ Văn Đ, Đỗ Văn H, Phạm Văn B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo 04 lần trộm cắp nhưng không xác định được giá trị tài sản trộm cắp của từng lần nên không phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Đ 13 tháng tù, H 11 tháng tù, B 10 tháng tù. Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Bị cáo Đ tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng có vai trò chính, trực tiếp thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo có tính nguy hiểm cao, mức hình phạt 13 tháng tù như cấp sơ thẩm quyết định là đã phù hợp nên không có căn cứ giảm hình phạt và cho hưởng án treo. Bị cáo H có vai trò đồng phạm là người thực hành, bị cáo B có vai trò đồng phạm là người giúp sức tích cực. Hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có căn cứ xem xét cho H và B được hưởng án treo. Do đó đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Đ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và bị cáo B, xử phạt H 11 tháng tù, B 10 tháng tù và cho hai bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Đ là con liệt sĩ được miễn án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo H và B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Tạ Văn Đ và Đỗ Văn H là công nhân công trường đang thi công làm trang trại lợn của anh Dương Văn K và Lê Văn T tại thôn V, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Ngày 12/5/2020 Tạ Văn Đ và Phạm Văn B cùng thống nhất Đ sẽ trộm cắp các cây thép hình V đến bán cho B. Vào khoảng 22 giờ các ngày 13, 16, 18 và 28 tháng 5 năm 2020 tại công trường đang thi công trang trại lợn, Tạ Văn Đ, Đỗ Văn H lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 46 cây thép hình chữ V, trong đó 20 cây thép V4 loại dày; 26 cây thép V5 loại trung bình có tổng trị giá 8.600.000 đồng, mang đến bán cho Phạm Văn B. Do đó Tòa án nhân dân thị xã K xét xử các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về tội danh các bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo 04 lần trộm cắp tài sản đều dưới 2 triệu đồng, vì mỗi lần trộm cắp không xác định được giá trị tài sản chiếm đoạt là bao nhiêu, có trên mức

khởi điểm hay không, vì vậy áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đ có bố đẻ là liệt sĩ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, xử phạt Đ 13 tháng tù, H 11 tháng tù và B 10 tháng tù. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng cho 03 bị cáo tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS là không đúng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ này mới đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo H và bị cáo B tự nguyện nộp trước án phí sơ thẩm, là tình tiết mới thể hiện có ý thức chấp hành pháp luật. Thấy rằng hai bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội với vai trò đồng phạm do Đ rủ rê, lôi kéo, không cần bắt hai bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo H và bị cáo B được hưởng án treo, nhưng giữ nguyên hình phạt tù như cấp sơ thẩm.

Bị cáo Đ giữ vai trò chính trong vụ án, là người rủ rê, lôi kéo hai bị cáo khác, trực tiếp chuẩn bị phương tiện và trộm cắp tài sản nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên thấy rằng bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, sau khi bị phát hiện thì Đ thành khẩn khai báo về từng lần trộm cắp tài sản, ăn năn hối cải, bị cáo là con liệt sĩ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Đ tự nguyện nộp trước số tiền bị truy thu, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Tạ Văn Đ, Đỗ Văn H, Phạm Văn B; sửa bản án sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt và áp dụng điều luật.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ 11(Mười một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 11 (Mười một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 (Hai mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/01/2021.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/01/2021.

Giao bị cáo Đỗ Văn H và Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm: Tạ Văn Đ, Đỗ Văn H, Phạm Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/01/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã K (4 bản);
- VKSND thị xã K;
- CQCSĐT, CQTHAHS – CA thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã L, thị xã K;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Chát